TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 31

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 192 đọc là:

A. Một trăm tám mươi hai **B.** Một trăm chín mươi hai

C. Một trăm hai mươi chín **D.** Hai trăm chín mươi mốt

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 219, 291, 119, 210 là:

A. 210 **B.** 119 **C.** 219 **D.** 291

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 3 × 8 là:

A. 27 **B.** 11 **C.** 16 **D.** 24

Câu 4. *(0,5 điểm)* Gấp 24 lên 3 lần được:

A. 75 **B.** 96 **C.** 27 **D.** 72

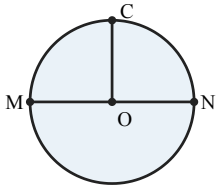
Câu 5. *(0,5 điểm)* Một phần chín (1/9) của 27 l là:

A. 18 l **B.** 5 l **C.** 243 l **D.** 3 l

Câu 6. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 8 kg = …… g

A. 80 **B.** 800 **C.** 8000 **D.** 80000

Câu 7. *(0,5 điểm)* Trong hình bên, đường kính MN dài 10 dm. Bán kính OC dài:



A. 20 dm **B.** 5 dm **C.** 6 dm **D.** 10 dm

Câu 8. *(0,5 điểm)* O là trung điểm của đoạn thẳng PQ. Biết PQ = 18 mm, độ dài đoạn PO là:

A. 16 mm **B.** 9 mm **C.** 18 mm **D.** 36 mm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) 294 + 60 × 8 = ……

b) 115 − 12 : 2 = ……

c) (69 + 46) × 2 = ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9, 18, 27, ……, 45, ……

b) 381, 431, 481, ……, ……, 631

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8 × 7 …… 55

b) 1 kg …… 900 g

c) 7 m 8 cm …… 717 cm

d) 1/3 của 18 …… 1/2 của 12

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 m = …… dm

b) 8 cm = …… mm

c) 5 m = …… cm

d) 3 l = …… ml

Câu 13. *(1 điểm)* Tính:

a) 528 g + 251 g = …… g

b) 805 ml − 635 ml = …… ml

c) 262 mm × 2 = …… mm

d) 117 kg : 9 = …… kg

Câu 14. *(1 điểm)* Một cửa hàng buổi sáng bán được 332 kg gạo, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 119 kg. Hỏi cả ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Buổi chiều bán được: …… kg

b) Cả ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 31

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	D	D	D	C	B	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 294 + 60 × 8 = 294 + 480 = 774

b) 115 − 12 : 2 = 115 − 6 = 109

c) (69 + 46) × 2 = 115 × 2 = 230

Câu 10.

a) Đếm thêm 9: 9, 18, 27, 36, 45, 54

b) Mỗi số hơn số trước 50 đơn vị: 381, 431, 481, 531, 581, 631

Câu 11.

a) 8 × 7 = 56 nên điền dấu «>»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «>»

c) 7 m 8 cm = 708 cm nên điền dấu «<»

d) 1/3 của 18 là 6; 1/2 của 12 là 6 nên điền dấu «=»

Câu 12.

a) 7 m = 70 dm (vì 1 m = 10 dm)

b) 8 cm = 80 mm (vì 1 cm = 10 mm)

c) 5 m = 500 cm (vì 1 m = 100 cm)

d) 3 l = 3000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

Câu 13.

a) 779 g

b) 170 ml

c) 524 mm

d) 13 kg

Câu 14.

Buổi chiều: 332 − 119 = 213 (kg)

Cả ngày: 332 + 213 = 545 (kg)